

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ ĐIỆN BÀN
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Nghĩa**

Bản án số: 40/2017/DS-ST

Ngày 27/7/2017

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐIỆN BÀN - TỈNH QUẢNG NAM**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Phi Long

2. Bà Nguyễn Thị Nữ

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Hà Lê Như Quỳnh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

- Viện kiểm sát nhân dân thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa có bà Đỗ Thị Thương – Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 39/2017/TLST-DS ngày 10 tháng 5 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2017/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị N, sinh năm: 1963 (có mặt)

Địa chỉ: Khối Q, phường Đ1, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

2. *Bị đơn:* Bà Võ Thị T, sinh năm: 1970 (vắng mặt)

Ông Lê S, sinh năm: 1968; (có mặt)

Cùng địa chỉ: Khối H, phường Đ2, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 05/5/2017 và trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn, bà Phạm Thị N trình bày:

Vào tháng 02/2016, bà N có cho vợ chồng bà Võ Thị T và ông Lê S mượn số tiền 48.200.000đ (bốn mươi tám triệu hai trăm nghìn đồng). Bà T là người trực tiếp đi mượn và có lập văn bản mượn tiền có chữ viết và chữ ký của bà T, không ghi ngày. Mục đích mượn là để mua thức ăn nuôi heo và thỏa thuận đến khi nào heo lớn sẽ cân cho bà N để trừ nợ. Khi đến hạn, bà N đến cân heo thì ông S đã cân cho người khác nên bà N không lấy được số tiền đã cho mượn. Vì vậy, bà T hẹn 15 ngày sau sẽ hoàn

trả lại số tiền đã mượn cho bà N. Tuy nhiên, quá hạn đã lâu, dù bà N nhiều lần đến nhà yêu cầu vợ chồng ông S và bà T trả tiền nhưng vợ chồng bà T cứ hẹn hoài mà không trả. Trong giấy mượn tiền không ghi ngày và ghi số tiền nợ bằng số là 48.800.200đ, bằng chữ là bốn mươi tám triệu hai trăm nghìn đồng. Bà N xác nhận thực tế bà T chỉ mượn 48.200.000đ (bốn mươi tám triệu hai trăm nghìn đồng) nhưng không hiểu sao bà Thủ ghi nhầm số tiền bằng số là 48.800.200đ. Mặc dù chỉ một mình bà T đi mượn tiền và viết giấy nợ nhưng mục đích Thủ mượn tiền là để chăn nuôi heo, phục vụ nhu cầu thiết yếu của gia đình, ông S có biết việc bà T mượn nên bà N yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Võ Thị T và ông Lê S phải trả cho bà Phạm Thị N số tiền còn nợ là 48.200.000đ. Ngoài ra, bà Phạm Thị N không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn, bà Võ Thị T đã được triệu tập nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do nên không có ý kiến trình bày của bà T.

Tại bản tự khai ngày 17/5/2017 và những ý kiến tiếp theo cùng như tại phiên tòa, ông Lê S trình bày:

Vào đầu năm 2017, vợ ông là bà Võ Thị T có mượn của bà Phạm Thị N số tiền 48.200.000đ (bốn mươi tám triệu hai trăm nghìn đồng), mục đích mượn nhằm phục vụ việc buôn bán của gia đình. Ông S có biết việc bà T mượn tiền của bà N, chữ viết và chữ ký trong giấy mượn tiền mà bà N cung cấp là của vợ ông (bà Võ Thị T). Do công việc làm ăn của vợ chồng ông không được thuận lợi nên vợ chồng ông chưa trả được số nợ trên cho bà N.

Nay bà N khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông phải trả số tiền còn nợ thì ông hứa sẽ có trách nhiệm đôn đốc bà T và cùng trả nợ trong thời gian sớm nhất.

Tóm tắt ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

+ Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý vụ án Thẩm phán, Thư ký Tòa án và Hội đồng xét xử được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục do Bộ luật Tố tụng dân sự quy định. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn nhiều lần vắng mặt không có lý do.

+ Về giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của bà Phạm Thị N, buộc ông Lê S và bà Võ Thị T phải có nghĩa vụ trả nợ cho bà Phạm Thị N số tiền 48.200.000đ (bốn mươi tám triệu hai trăm nghìn đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được kiểm tra, xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp Hợp đồng vay tài sản giữa nguyên đơn bà Phạm Thị N và bị đơn ông Lê S, bà Võ Thị T. Bị đơn cùng trú tại địa chỉ: Khối H, phường Đ2, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Điện Bàn theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 và khoản 2 Điều 229 BLTTDS.

[2] Về nội dung vụ án:

Ông Lê S và bà Phạm Thị N đều thừa nhận vợ chồng ông Lê S và bà bà Võ Thị T có mượn của bà Phạm Thị N số tiền 48.200.000đ, khi mượn có viết giấy nợ, bà T viết và ký vào giấy nợ và nhận tiền. Trong giấy mượn tiền không ghi ngày mượn nhưng bà N xác định thời gian mượn vào tháng 2/2016, mục đích mượn là để mua thức ăn nuôi heo. Ông S cho rằng biết việc mượn tiền vào đầu năm 2017, mục đích mượn tiền để phục vụ việc buôn bán. Mặc dù hai bên không thống nhất thời gian mượn tiền và mục đích mượn nhưng cả hai đều thừa nhận có việc vay mượn, mục đích đều nhằm phục vụ nhu cầu thiết yếu của gia đình. Quá trình làm việc, không có lời khai của bà Võ Thị T để xác định số nợ nhưng ông Lê S chồng bà Võ Thị T đã thừa nhận có việc mượn tiền, chữ ký và chữ viết trong giấy mượn tiền mà bà N cung cấp là của bà Võ Thị T, mục đích mượn tiền: nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình. Đồng thời, trong giấy nhận tiền chỉ có chữ viết và chữ ký của bà T nhưng bà T mượn nhằm phục vụ cho nhu cầu của gia đình, ông có biết việc bà T mượn tiền của bà N nên ông S chấp nhận cùng với bà T trả nợ cho bà N. Lời thừa nhận của ông Lê S phù hợp với giấy mượn tiền được xác lập và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ.

Từ những nhận định trên HĐXX xác định việc ông Lê S và bà Võ Thị T mượn 48.200.000đ của bà Phạm Thị N là có thật, do đó yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị N có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 463 và khoản 1 Điều 466 BLDS nên được HĐXX chấp nhận.

Về khoản lãi suất đối với số tiền nêu trên bà Phạm Thị N không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 463, Điều 466, Điều 357 Bộ luật Dân sự; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị N đối với ông Lê S và bà Võ Thị T về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc ông Lê S và bà Võ Thị T phải có nghĩa vụ trả lại cho bà Phạm Thị N số tiền còn nợ là 48.200.000đ (bốn mươi tám triệu hai trăm nghìn đồng)

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không chịu thi hành số tiền trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự.

[2] Về án phí: Bà Võ Thị T và ông Lê S phải chịu 2.410.000đ (hai triệu bốn trăm mười nghìn đồng) tiền án phí DSST. Hoàn trả cho bà Phạm Thị N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.205.000đ (một triệu hai trăm linh năm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0008421, ngày 10/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Điện Bàn.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Toà án tỉnh Quảng Nam;
- VKSND thị xã Điện Bàn;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS thị xã Điện Bàn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Xuân